|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM**  **BCH HỘI NÔNG DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**  \* | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Đồng Nai, ngày 31 tháng 7 năm 2024* |

**BỘ 100 CÂU HỎI KIẾN THỨC THI TRẮC NGHIỆM**

**Hội thi “Tuyên truyền viên giỏi” năm 2024**

**Câu 1: Theo Nghị quyết số 46-NQ/TW ngày 20/12/2023 của Bộ Chính trị về đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Mục tiêu cụ thể hằng năm, phấn đấu thực hiện bao nhiêu phần trăm hội viên, nông dân tham gia bảo hiểm y tế; bao nhiêu hội viên, nông dân trở lên tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện?**

a. 90% hội viên, nông dân tham gia bảo hiểm y tế; 40.000 hội viên, nông dân trở lên tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.

b. 95% hội viên, nông dân tham gia bảo hiểm y tế; 45.000 hội viên, nông dân trở lên tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.

**c. 100% hội viên, nông dân tham gia bảo hiểm y tế; 50.000 hội viên, nông dân trở lên tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.**

d. 95% hội viên, nông dân tham gia bảo hiểm y tế; 50.000 hội viên, nông dân trở lên tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.

**Câu 2. Theo Nghị quyết số 46-NQ/TW ngày 20/12/2023 của Bộ Chính trị về đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Mục tiêu cụ thể hằng năm, phấn đấu có bao nhiêu phần trăm cán bộ Hội Nông dân chuyên trách các cấp, chi hội trưởng chi hội nông dân được bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ?**

a. 90% cán bộ hội nông dân chuyên trách các cấp, chi hội trưởng chi hội nông dân được bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ.

**b. 100% cán bộ hội nông dân chuyên trách các cấp, chi hội trưởng chi hội nông dân được bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ.**

c. 85% cán bộ hội nông dân chuyên trách các cấp, chi hội trưởng chi hội nông dân được bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ.

d. 95% cán bộ hội nông dân chuyên trách các cấp, chi hội trưởng chi hội nông dân được bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ.

**Câu 3. Theo Nghị quyết số 46-NQ/TW ngày 20/12/2023 của bộ chính trị về đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Mục tiêu cụ thể hằng năm, phấn đấu thực hiện bao nhiêu phần trăm hộ nông dân trở lên đăng ký phấn đấu và bao nhiêu phần trăm số hộ đăng ký trở lên đạt danh hiệu sản xuất, kinh doanh giỏi các cấp?**

**a. 60% số hộ nông dân trở lên đăng ký phấn đấu, trong đó có 50% số hộ đăng ký trở lên đạt danh hiệu sản xuất, kinh doanh giỏi các cấp.**

b. 65% số hộ nông dân trở lên đăng ký phấn đấu, trong đó có 55% số hộ đăng ký trở lên đạt danh hiệu sản xuất, kinh doanh giỏi các cấp

c. 70% số hộ nông dân trở lên đăng ký phấn đấu, trong đó có 60% số hộ đăng ký trở lên đạt danh hiệu sản xuất, kinh doanh giỏi các cấp

d. 75% số hộ nông dân trở lên đăng ký phấn đấu, trong đó có 55% số hộ đăng ký trở lên đạt danh hiệu sản xuất, kinh doanh giỏi các cấp

**Câu 4. Mục tiêu tổng quát của Nghị quyết số 46-NQ/TW ngày 20/12/2023 của Bộ Chính trị về đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới là gì?**

a. Đổi mới, nâng cao chất lượng phong trào nông dân, xây dựng Hội Nông dân Việt Nam vững mạnh; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của hội viên, nông dân, góp phần cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát triển đất nước ngày càng phồn vinh, hạnh phúc.

**b. Đổi mới, nâng cao chất lượng phong trào nông dân, xây dựng Hội Nông dân Việt Nam vững mạnh; làm tốt vai trò đại diện; động viên, cổ vũ nông dân nâng cao nhận thức, trách nhiệm, trình độ, tích cực tham gia phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, góp phần cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát triển đất nước ngày càng phồn vinh, hạnh phúc.**

c. Đổi mới, nâng cao chất lượng phong trào nông dân; động viên, cổ vũ nông dân nâng cao nhận thức, trách nhiệm, trình độ, tích cực tham gia phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, góp phần cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát triển đất nước ngày càng phồn vinh, hạnh phúc.

d. Nâng cao chất lượng phong trào nông dân; động viên, cổ vũ nông dân nâng cao nhận thức, trách nhiệm, trình độ, tích cực tham gia phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, góp phần cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát triển đất nước ngày càng phồn vinh, hạnh phúc.

**Câu 5. Để đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, Nghị quyết số 46-NQ/TW ngày 20/12/2023 của Bộ Chính trị xác định các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể nào?**

a. Đổi mới công tác tuyên truyền, vận động, tập hợp, đoàn kết nông dân, nâng cao hiệu quả phong trào nông dân. Củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ hội đủ phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ

b. Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng nghề cho nông dân, lao động nông thôn và hoạt động dịch vụ, tư vấn, hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất, kinh doanh. Động viên nông dân tích cực tham gia các chương trình mục tiêu quốc gia, các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động

c. Phát huy vai trò của hội nông dân tham gia giám sát, phản biện xã hội, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Chủ động hội nhập, mở rộng hợp tác quốc tế, đẩy mạnh đối ngoại nhân dân; Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phối hợp của chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các hội quần chúng với hội nông dân

**d. Tất cả các đáp án trên đều đúng.**

**Câu 6. Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 46-NQ/TW ngày 20/12/2023 của Bộ Chính trị về đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, Tỉnh uỷ Đồng Nai đã ban hành Kế hoạch nào trong số các Kế hoạch sau đây?**

a. Kế hoạch số 330-KH/TU ngày 19/3/2024;

b. Kế hoạch số 331-KH/TU ngày 19/3/2024;

c. Kế hoạch số 332-KH/TU ngày 20/3/2024;

**d. Kế hoạch số 333-KH/TU ngày 20/3/2024;**

**Câu 7. Kế hoạch số 333-KH/TU ngày 20/3/2024 của Tỉnh uỷ Đồng Nai về thực hiện Nghị quyết số 46-NQ/TW ngày 20/12/2023 của Bộ Chính trị về đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, đề ra bao nhiêu nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu?**

a. 06 nhiệm vụ, giải pháp

**b. 07 nhiệm vụ, giải pháp**

c. 08 nhiệm vụ, giải pháp

d. 09 nhiệm vụ, giải pháp

**Câu 8. Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khoá XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đề ra mấy nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu?**

a. 06 nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

b. 07 nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

c. 08 nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

**d. 09 nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu**

**Câu 9. Theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khoá XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, mục tiêu đến năm 2030, tốc độ tăng trưởng GDP bình quân ngành Nông nghiệp và năng suất lao động nông nghiệp bình quân đạt bao nhiêu phần trăm?**

**a. Tốc độ tăng trưởng GDP ngành Nông nghiệp phấn đấu đạt bình quân khoảng 3%/năm; tăng năng suất lao động nông nghiệp bình quân từ 5,5 - 6%/năm**

b. Tốc độ tăng trưởng GDP ngành Nông nghiệp phấn đấu đạt bình quân khoảng 4%/năm; tăng năng suất lao động nông nghiệp bình quân từ 6,5 - 7%/năm

c.Tốc độ tăng trưởng GDP ngành Nông nghiệp phấn đấu đạt bình quân khoảng 5%/năm; tăng năng suất lao động nông nghiệp bình quân từ 7,5 - 8%/năm

d.Tốc độ tăng trưởng GDP ngành Nông nghiệp phấn đấu đạt bình quân khoảng 3,5%/năm; tăng năng suất lao động nông nghiệp bình quân từ 5,5 - 7%/năm

**Câu 10. Theo Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khoá XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030 là:**

a. Tỉ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đạt 75%.

**b. Tỉ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đạt 80%.**

c. Tỉ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đạt 85%.

d. Tỉ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đạt 90%.

**Câu 11. Theo Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khoá XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030 là:**

a. Tỉ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 30%; bình quân hằng năm đào tạo nghề cho khoảng 2 triệu lao động nông thôn.

**b. Tỉ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 20%; bình quân hằng năm đào tạo nghề cho khoảng 1,5 triệu lao động nông thôn.**

c. Tỉ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 25%; bình quân hằng năm đào tạo nghề cho khoảng 1,5 triệu lao động nông thôn.

d. Tỉ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 20%; bình quân hằng năm đào tạo nghề cho khoảng 1,5 triệu lao động nông thôn.

**Câu 11.** **Nghị quyết Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh Đồng Nai lần thứ X, nhiệm kỳ 2023 – 2028 đề ra chỉ tiêu nào sau đây?**

**a. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và nghị quyết của Hội Nông dân Việt Nam đến 100% cán bộ, hội viên.**

b. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và nghị quyết của Hội Nông dân Việt Nam đến trên 90% cán bộ, hội viên.

c. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và nghị quyết của Hội Nông dân Việt Nam đến 95% cán bộ, hội viên.

d. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đến 100% cán bộ, hội viên.

**Câu 12. Theo chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh Đồng Nai lần thứ X, nhiệm kỳ 2023 – 2028, có bao nhiêu phần trăm hội viên tham gia bảo hiểm y tế?**

a. Có trên 95% hội viên tham gia bảo hiểm y tế

**b. Có trên 97% hội viên tham gia bảo hiểm y tế**

c. Có 97% hội viên tham gia bảo hiểm y tế

d. Có 95% hội viên tham gia bảo hiểm y tế

**Câu 13. Theo chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh Đồng Nai lần thứ X, nhiệm kỳ 2023 – 2028, trong nhiệm kỳ, bao nhiêu phần trăm cơ sở Hội hoàn thành tốt, xuất sắc nhiệm vụ?**

**a. Có từ 97% cơ sở Hội trở lên hoàn thành tốt, xuất sắc nhiệm vụ**

b. Có từ 85% cơ sở Hội trở lên hoàn thành tốt, xuất sắc nhiệm vụ

c. Có từ 90% cơ sở Hội trở lên hoàn thành tốt, xuất sắc nhiệm vụ

d. Có từ 95% cơ sở Hội trở lên hoàn thành tốt, xuất sắc nhiệm vụ

**Câu 14. Theo chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh Đồng Nai lần thứ X, nhiệm kỳ 2023 – 2028, trong nhiệm kỳ, bao nhiêu phần trăm hộ hội viên sản xuất, kinh doanh nông sản có đăng ký, cam kết đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm?**

a. Trên 90% hộ hội viên sản xuất, kinh doanh nông sản có đăng ký, cam kết đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

**b. 100% hộ hội viên sản xuất, kinh doanh nông sản có đăng ký, cam kết đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.**

c. Trên 95% hộ hội viên sản xuất, kinh doanh nông sản có đăng ký, cam kết đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

d. Trên 85% hộ hội viên sản xuất, kinh doanh nông sản có đăng ký, cam kết đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

**Câu 15. Theo Quyết định số 182/QĐ-TTg ngày 20/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp đến năm 2030. Đến năm 2030, tư vấn, hỗ trợ thành lập mới ít nhất bao nhiêu hợp tác xã, bao nhiêu tổ hợp tác trong nông nghiệp?**

a. Tư vấn, hỗ trợ thành lập mới ít nhất 650 hợp tác xã, 3.000 tổ hợp tác trong nông nghiệp.

b. Tư vấn, hỗ trợ thành lập mới ít nhất 700 hợp tác xã, 3.500 tổ hợp tác trong nông nghiệp.

**c. Tư vấn, hỗ trợ thành lập mới ít nhất 750 hợp tác xã, 4.000 tổ hợp tác trong nông nghiệp.**

d. Tư vấn, hỗ trợ thành lập mới ít nhất 700 hợp tác xã, 4.500 tổ hợp tác trong nông nghiệp.

**Câu 16. Theo Quyết định số 182/QĐ-TTg ngày 20/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp đến năm 2030. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030, có:**

**a. 30% số hợp tác xã nông nghiệp được hỗ trợ tiếp cận các nguồn vốn tín dụng.**

b. 40% số hợp tác xã nông nghiệp được hỗ trợ tiếp cận các nguồn vốn tín dụng.

c. 50% số hợp tác xã nông nghiệp được hỗ trợ tiếp cận các nguồn vốn tín dụng.

d. 60% số hợp tác xã nông nghiệp được hỗ trợ tiếp cận các nguồn vốn tín dụng.

**Câu 17. Quyết định số 182/QĐ-TTg ngày 20/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp đến năm 2030” nêu quan điểm nào sau đây?**

a. Phát huy, nâng cao vai trò Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp; đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền; thu hút, vận động, hướng dẫn, hỗ trợ hội viên, nông dân tích cực tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp.

b. Phát huy sức mạnh nội lực của nông dân trong xây dựng, phát triển Kinh tế tập thể trong nông nghiệp phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương, vùng, miền và cả nước; khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, tinh thần hợp tác, liên kết trong sản xuất, kinh doanh nông nghiệp của hội viên, nông dân.

c. Phát huy, nâng cao vai trò Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp; đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền; thu hút, vận động, hướng dẫn, hỗ trợ hội viên, nông dân tích cực tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp; khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, tinh thần hợp tác, liên kết trong sản xuất, kinh doanh nông nghiệp của hội viên, nông dân.

**d. Cả a và b.**

**Câu 18. Quyết định số 182/QĐ-TTg ngày 20/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp đến năm 2030” đề ra những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm nào sau đây?**

a. Thông tin, tuyên truyền, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, vận động, thu hút hội viên, nông dân tích cực tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp;

b. Củng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của THT, HTX nông nghiệp do Hội Nông dân vận động, hướng dẫn, hỗ trợ thành lập; Tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ hội viên, nông dân thành lập, phát triển các THT, HTX nông nghiệp, mở rộng đối tượng tham gia;

c. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tổ chức Kinh tế tập thể trong nông nghiệp do Hội Nông dân hỗ trợ; nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo, điều hành và tham gia hỗ trợ phát triển Kinh tế tập thể trong nông nghiệp của Hội Nông dân các cấp; tăng cường hợp tác quốc tế về phát triển Kinh tế tập thể trong nông nghiệp của Hội Nông dân.

**d. Tất cả các phương án trên.**

**Câu 19. Hãy cho biết, nguồn vốn Quỹ hỗ trợ nông dân do các cấp Hội Nông dân tổ chức vận động xây dựng nhằm mục đích gì?**

a. Chi trong tổ chức các hoạt động của Hội.

b. Làm từ thiện, nhân đạo, giúp đỡ hội nông dân.

**c. Tổ chức cho hội viên nông dân vay phát triển sản xuất, kinh doanh, vươn lên làm giàu.**

d. Khen thưởng những hội viên nông dân tiêu biểu.

**Câu 20. Hệ thống tổ chức Quỹ Hỗ trợ nông dân được hình thành mấy cấp? Gồm những cấp nào?**

a. 01 cấp (Trung ương)

b. 2 cấp (Trung ương, tỉnh)

**c. 03 cấp (Trung ương, tỉnh, huyện)**

d. 04 cấp (Trung ương, tỉnh, huyện, cơ sở)

**Câu 21. Theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân, đối tượng nào sau đây được vay vốn của Quỹ Hỗ trợ nông dân?**

a. Cán bộ Hội nông dân các cấp.

**b. Hộ gia đình hội viên nông dân tự nguyện tham gia dự án nhóm hộ vay vốn sản xuất kinh doanh; Tổ hợp tác của hội viên nông dân, hợp tác xã nông nghiệp có ký hợp đồng hoặc thỏa thuận hợp tác với Hội Nông dân về việc hỗ trợ nông dân, nhất là hộ nghèo, cận nghèo.**

c. Chi, tổ Hội Nông dân.

d. Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ nông dân.

**Câu 22. Thời gian gia hạn nợ tối đa đối với các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng Chính sách Xã hội là bao nhiêu?**

a. Tối đa 06 tháng

**b. Tối đa 12 tháng**

c. Tối đa không quá ½ thời hạn cho vay

d. Tối đa 18 tháng.

**Câu 23. Khi họp Tổ Tiết kiệm và Vay vốn có các nội dung cần biểu quyết thì phải có ít nhất bao nhiêu thành viên dự họp và bao nhiêu thành viên có mặt tán thành?**

**a. Ít nhất 2/3 số thành viên dự họp và ít nhất 2/3 thành viên có mặt tán thành**

b. Ít nhất 1/2 số thành viên dự họp và ít nhất 1/2 thành viên có mặt tán thành

c. Ít nhất 3/4 số thành viên dự họp và ít nhất 3/4 thành viên có mặt tán thành

d. Ít nhất 2/3 số thành viên dự họp và ít nhất 3/4 thành viên có mặt tán thành.

**Câu 24. Công tác kiểm tra của Hội đoàn thể cấp xã đối với việc sử dụng vốn vay của 100% các món vay mới của hộ vay trong vòng bao nhiêu ngày kể từ ngày NHSXH giải ngân?**

a. 15 ngày

b. 20 ngày

**c. 30 ngày**

d. 25 ngày

**Câu 25. Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam khóa VIII, nhiệm kỳ 2023 – 2028 quy định Hội Nông dân Việt Nam có mấy chức năng, nhiệm vụ chính?**

a. 6 chức năng, 3 nhiệm vụ

b. 4 chức năng, 6 nhiệm vụ

**c. 3 chức năng, 6 nhiệm vụ**

d. 5 chức năng, 4 nhiệm vụ

**Câu 26. Hội viên Hội Nông dân Việt Nam có mấy nhiệm vụ, quyền lợi chính?**

**a. 3 nhiệm vụ, 3 quyền lợi**

b. 4 nhiệm vụ, 5 quyền lợi

c. 4 nhiệm vụ, 4 quyền lợi

d. 3 nhiệm vụ, 5 quyền lợi

**Câu 27. Theo quy định của Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam khóa VIII, quyền lợi của hội viên là gì?**

a. Được dân chủ thảo luận và biểu quyết những công việc của Hội; phê bình chất vấn tổ chức và cán bộ Hội; đề đạt với tổ chức Hội và thông qua tổ chức Hội đề xuất với Đảng, Nhà nước về nguyện vọng hợp pháp, chính đáng của mình.

b. Được Hội hướng dẫn, giúp đỡ và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng.

c. Được ứng cử, đề cử, bầu cử vào các cơ quan lãnh đạo của Hội.

**d. Cả 3 phương án trên.**

**Câu 28. Theo quy định của Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam khóa VIII, chức năng của Hội Nông dân Việt Nam gồm:**

a. Tập hợp, tuyên truyền, giáo dục, vận động hội viên, nông dân phát huy quyền làm chủ, tích cực học tập nâng cao trình độ, năng lực về mọi mặt.

b. Chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của hội viên, nông dân; tổ chức các hoạt động dịch vụ, tư vấn, hỗ trợ nông dân trong sản xuất, kinh doanh và đời sống.

c. Đại diện giai cấp nông dân tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước và khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

**d. Cả 3 phương án trên.**

**Câu 29. Theo Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam Khoá VIII, Uỷ viên Ban Chấp hành từ cấp nào trở lên đương nhiên là hội viên Hội Nông dân?**

**a. Uỷ viên Ban Chấp hành từ cơ sở trở lên đương nhiên là hội viên Hội Nông dân.**

b. Uỷ viên Ban Chấp hành từ cấp huyện trở lên đương nhiên là hội viên Hội Nông dân.

c. Uỷ viên Ban Chấp hành từ cấp tỉnh trở lên đương nhiên là hội viên Hội Nông dân.

d. Uỷ viên Ban Chấp hành từ cấp Trung ương trở lên đương nhiên là hội viên Hội Nông dân.

**Câu 30. Theo Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam khóa VIII, nhiệm kỳ của chi Hội là mấy năm?**

**a. 5 năm.**

b. 2,5 năm.

c. 3 năm.

d. 2 năm

**Câu 31. Theo Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam khóa VIII, Ủy ban kiểm tra của Hội được thành lập ở mấy cấp?**

a. 2 cấp

b. 4 cấp

**c. 3 cấp**

d. 1 cấp

**Câu 32. Theo Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam Khoá VIII, nguyên tắc làm việc và thẩm quyền của Uỷ ban Kiểm tra các cấp là gì?**

a. Ủy ban Kiểm tra các cấp làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, chịu sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Hội cùng cấp và sự chỉ đạo của Ủy ban Kiểm tra cấp trên.

b. Ủy ban Kiểm tra cấp trên có quyền yêu cầu tổ chức Hội cấp dưới và cán bộ, hội viên báo cáo, cung cấp tài liệu về những vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra, giám sát; tham mưu cho Ban Chấp hành cùng cấp thay đổi hoặc xóa bỏ quyết định kỷ luật của Hội cấp dưới.

c. Ủy ban Kiểm tra các cấp làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, Ủy ban Kiểm tra cấp trên có quyền yêu cầu tổ chức Hội cấp dưới và cán bộ, hội viên báo cáo, cung cấp tài liệu về những vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra, giám sát; tham mưu cho Ban Chấp hành cùng cấp thay đổi hoặc xóa bỏ quyết định kỷ luật của Hội cấp dưới.

**d. Cả a và b.**

**Câu 33. Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam khoá VIII quy định các hình thức kỷ luật nào đối với cán bộ Hội?**

a. Khiển trách, cảnh cáo, giải tán

**b. Khiến trách, cảnh cáo, cách chức**

c. Khiển trách, cảnh cáo, xoá tên

d. Khiển trách, cảnh cáo, thu hồi thẻ

**Câu 34. Luật Đất đai năm 2024 quy định sở hữu đất đai như thế nào?**

a. Đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Quốc hội đại diện chủ sở hữu và Chính phủ thống nhất quản lý

**b. Đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý**

c. Đất đai thuộc sở hữu toàn của tổ chức, cá nhân

d. Đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Chính phủ đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý

**Câu 35. Theo Luật Đất đai năm 2024, Nhóm đất nông nghiệp bao gồm các loại đất nào dưới đây?**

a. Đất trồng cây hằng năm, gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hằng năm khác; Đất trồng cây lâu năm;

b. Đất lâm nghiệp, gồm đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất; Đất nuôi trồng thủy sản;

c. Đất chăn nuôi tập trung; Đất làm muối; Đất nông nghiệp khác.

**d. Tất cả các loại đất trên.**

**Câu 36. Theo Luật Đất đai năm 2024, tái định cư là?**

a. Việc Nhà nước thực hiện bồi thường bằng đất ở cho người có đất thu hồi hoặc hỗ trợ bằng giao đất ở, nhà ở tái định cư cho người không đủ điều kiện bồi thường về đất ở theo quy định của Luật này nhưng không còn chỗ ở nào khác.

**b. Việc Nhà nước thực hiện bồi thường bằng đất ở hoặc bằng nhà ở tại khu tái định cư hoặc địa điểm khác phù hợp cho người có đất thu hồi hoặc hỗ trợ bằng giao đất ở, nhà ở tái định cư cho người không đủ điều kiện bồi thường về đất ở theo quy định của Luật này nhưng không còn chỗ ở nào khác.**

c. Việc Nhà nước thực hiện bồi thường bằng đất ở hoặc bằng nhà ở tại khu tái định cư cho người có đất thu hồi hoặc hỗ trợ bằng giao đất ở, nhà ở tái định cư cho người không đủ điều kiện bồi thường về đất ở theo quy định của Luật này nhưng không còn chỗ ở nào khác.

d. Việc Nhà nước thực hiện bồi thường bằng đất ở hoặc bằng nhà ở tại khu tái định cư hoặc địa điểm khác phù hợp cho người có đất thu hồi.

**Câu 37. Theo Luật Đất đai năm 2024, nguyên tắc sử dụng đất là gì?**

a. Đúng mục đích sử dụng đất. Bền vững, tiết kiệm, có hiệu quả đối với đất đai và tài nguyên trên bề mặt, trong lòng đất.

b. Bảo vệ đất, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, không được lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân hóa học làm ô nhiễm, thoái hóa đất.

c. Thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất trong thời hạn sử dụng đất theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; không xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất liền kề và xung quanh.

**d. Tất cả các phương án trên.**

**Câu 38. Theo Luật Đất đai năm 2024, công dân có nghĩa vụ nào dưới đây đối với đất đai?**

a. Chấp hành đúng các quy định của pháp luật về đất đai.

b. Giữ gìn, bảo vệ và phát triển tài nguyên đất.

c. Tôn trọng quyền sử dụng đất của người sử dụng đất khác.

**d. Tất cả các nghĩa vụ trên.**

**Câu 39. Quyền của công dân đối với đất đai?**

a. Tham gia xây dựng, góp ý, giám sát trong việc hoàn thiện và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về đất đai.

b. Tham gia quản lý nhà nước, góp ý, thảo luận và kiến nghị, phản ánh với cơ quan nhà nước về công tác quản lý, sử dụng đất đai.

c. Quyền về bình đẳng, bình đẳng giới trong quản lý, sử dụng đất đai.

**d. Tất cả các quyền nêu trên.**

**Câu 40. Theo Luật Đất đai năm 2024, căn cứ vào mục đích sử dụng, đất đai được phân loại thành mấy nhóm?**

a. 02 nhóm

**b. 03 nhóm**

c. 04 nhóm

d. 05 nhóm

**Câu 41. Theo Luật Đất đai năm 2024, loại đất nào dưới đây không thuộc nhóm đất nông nghiệp?**

a. Đất trồng cây hằng năm, gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hằng năm khác; Đất trồng cây lâu năm;

b. Đất lâm nghiệp, gồm đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất; Đất nuôi trồng thủy sản;

c. Đất chăn nuôi tập trung; đất làm muối;

**d. Đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp; đất thương mại, dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản.**

**Câu 42. Theo Luật Đất đai năm 2024, Quyền đối với thửa đất liền kề bao gồm?**

a. Quyền về lối đi; cấp nước, thoát nước; tưới nước, tiêu nước trong canh tác; cấp khí ga; lắp đường dây tải điện, thông tin liên lạc và các nhu cầu khác theo quy định của pháp luật.

**b. Quyền về lối đi; cấp nước, thoát nước; tưới nước, tiêu nước trong canh tác; cấp khí ga; lắp đường dây tải điện, thông tin liên lạc và các nhu cầu cần thiết khác theo quy định của pháp luật.**

c. Quyền về lối đi; cấp nước, thoát nước; tưới nước, tiêu nước trong canh tác; cấp khí ga; lắp đường dây tải điện, thông tin liên lạc hoặc các nhu cầu cần thiết khác theo quy định của pháp luật.

d. Quyền về lối đi; cấp nước, thoát nước; tưới nước, tiêu nước trong canh tác; cấp khí ga; lắp đường dây tải điện, thông tin liên lạc

**Câu 43. Luật đất đai năm 2024 bổ sung đối tượng nào được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trồng lúa bao gồm?**

**a. Cá nhân không trực tiếp sản xuất nông nghiệp**

b. Tổ chức tôn giáo

c. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài

d. Tổ chức nước ngoài

**Câu 44. Theo Luật đất đai năm 2024, Cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp là?**

**a. Cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp là cá nhân đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp; nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp mà có thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó theo quy định của Chính phủ.**

b. Cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp là cá nhân đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp.

c. Cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp là cá nhân đã được nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp mà có thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó theo quy định của Chính phủ.

d. Cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp; nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp mà có thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó theo quy định của Chính phủ.

**Câu 45. Luật đất đai năm 2024 quy định đất chăn nuôi tập trung phải tuân thủ quy định nào?**

a. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, quản lý chất thải và biện pháp khác để không ảnh hưởng đến người sử dụng đất trong khu vực và xung quanh.

b. Trường hợp sử dụng đất chăn nuôi tập trung mà có xây dựng công trình gắn liền với đất thì phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng.

c. Không gây ô nhiễm môi trường

**d. Cả a và b đều đúng**

**Câu 46. Theo Luật Hợp tác xã 2023, Hợp tác xã là tổ chức có tư cách pháp nhân do ít nhất mấy thành viên chính thức tự nguyện thành lập?**

a. 03 thành viên.

**b. 05 thành viên.**

c. 07 thành viên

d. 08 thành viên

**Câu 47. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bao gồm thành viên chính thức nào?**

a. Thành viên góp vốn và sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

b. Thành viên góp vốn và góp sức lao động vào hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

c. Thành viên góp vốn, sử dụng sản phẩm, dịch vụ và góp sức lao động vào hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

**d. Tất cả các đáp án trên.**

**Câu 48. Theo Luật Hợp tác xã 2023, Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp được thụ hưởng chính sách đặc thù nào sau đây?**

a. Hỗ trợ tiền 80% phí bảo hiểm nông nghiệp theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm.

**b. Hỗ trợ vốn, giống, khoa học và công nghệ khi chuyển đổi sang sản xuất bền vững, nông nghiệp hữu cơ, thích ứng với biến đổi khí hậu.**

c. Hỗ trợ 50% chi phí xây dựng kết cấu hạ tầng vùng nguyên liệu.

d. Hỗ trợ vốn bằng quyền sử dụng đất hoặc thuê đất, đất có mặt nước của tổ chức, hộ gia đình để hình thành vùng nguyên liệu sản xuất nông nghiệp.

**Câu 49. Theo Luật Hợp tác xã 2023, Thời gian quy định Tổ hợp tác hoạt động liên tục tối thiểu kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký Tổ hợp tác thì đủ điều kiện chuyển đổi thành Hợp tác xã là?**

a. 06 tháng

b. 09 tháng

**c. 12 tháng**

d. 24 tháng

**Câu 50. Theo Luật Hợp tác xã 2023, Chính sách đất đai có quy định như thế nào về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của chính quyền địa phương đối với tổ chức kinh tế tập thể?**

a. Chính quyền địa phương phải bố trí quỹ đất cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuê; ưu đãi hợp lý về giá và thời gian cho thuê.

**b. Trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, chính quyền địa phương ưu tiên bố trí quỹ đất cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuê.**

c. Sở Tài nguyên Môi trường các địa phương tùy vào tình hình thực tế bố trí quỹ đất cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuê.

d. Các địa phương xem xét hỗ trợ 100% về giá cho thuê đất đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác.

**Câu 51. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thụ hưởng chính sách tiếp cận vốn như như thế nào?**

**a. Hỗ trợ vay vốn với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư, bảo lãnh tín dụng đầu tư từ Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã theo quy định của Chính phủ.**

b. Hỗ trợ vay vốn với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ 100% lãi suất sau đầu tư, bảo lãnh tín dụng đầu tư từ Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã theo quy định của Bộ Tài chính.

c. Hỗ trợ vay vốn với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư, bảo lãnh tín dụng đầu tư từ tất cả các tổ chức tín dụng tại Việt Nam

d. Đảm bảo 100% tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được vay vốn với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư, bảo lãnh tín dụng đầu tư.

**Câu 52. Theo Luật Hợp tác xã 2023, Thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn của hợp tác xã bao gồm?**

a. Cá nhân là công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ. Cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài có giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;

b. Hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân thành lập, hoạt động tại Việt Nam. Các thành viên của tổ chức này phải cử một người đại diện theo quy định của Bộ luật Dân sự để thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên hợp tác xã;

c. Pháp nhân Việt Nam.

**d. Tất cả các phương án trên**

**Câu 53. Theo Luật Hợp tác xã 2023, Thành viên chính thức của HTX có nghĩa vụ gì?**

a. Góp đủ, đúng thời hạn phần vốn góp đã cam kết theo quy định của Điều lệ. Sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã đã đăng ký hoặc góp sức lao động theo thỏa thuận với hợp tác xã;

b. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ, nghĩa vụ tài chính của hợp tác xã trong phạm vi phần vốn góp vào hợp tác xã. Bồi thường thiệt hại do mình gây ra cho hợp tác xã theo quy định của pháp luật và Điều lệ;

c. Tuân thủ tôn chỉ, mục đích, Điều lệ, quy chế của hợp tác xã, nghị quyết Đại hội thành viên và quyết định của Hội đồng quản trị đối với tổ chức quản trị đầy đủ hoặc Giám đốc đối với tổ chức quản trị rút gọn;

**d. Tất cả các phương án trên.**

**Câu 54. Theo Luật Hợp tác xã 2023, Liên hiệp hợp tác xã là tổ chức có tư cách pháp nhân do ít nhất mấy hợp tác xã là thành viên chính thức tự nguyện thành lập?**

a. 02 thành viên.

**b. 03 thành viên.**

c. 04 thành viên.

d. 05 thành viên.

**Câu 55. Theo Luật Hợp tác xã 2023, Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có mấy nguyên tắc tổ chức, quản lý và hoạt động?**

a. 05 nguyên tắc

b. 06 nguyên tắc

**c. 07 nguyên tắc**

d. 09 nguyên tắc

**Câu 56:** **Nghị quyết số 04-NQ/HNDTW ngày 05/8/2019 của Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam (Khóa VII) về đẩy mạnh xây dựng chi Hội Nông dân nghề nghiệp và Tổ Hội Nông dân nghề nghiệp nêu quan điểm nào sau đây?**

**a. Chi Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp sẽ góp phần xây dựng mẫu hình người nông dân thế hệ mới xuất sắc, tiêu biểu, đổi mới, nâng cao tư duy tự lực, tự thân, năng động sáng tạo, dám nghĩ dám làm, có khả năng dẫn dắt đông đảo hội viên nông dân cùng phát triển kinh tế, làm giàu chính đáng cho gia đình và quê hương, giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.**

b. Chi Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp sẽ góp phần xây dựng mẫu hình người nông dân thế hệ mới xuất sắc, tiêu biểu, đổi mới, có khả năng dẫn dắt đông đảo hội viên nông dân cùng phát triển kinh tế, làm giàu chính đáng cho gia đình, giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

c. Chi Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp sẽ góp phần xây dựng mẫu hình người nông dân thế hệ mới xuất sắc, có khả năng dẫn dắt đông đảo hội viên nông dân cùng phát triển kinh tế, làm giàu chính đáng cho gia đình và quê hương, giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

d. Chi Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp sẽ góp phần xây dựng mẫu hình người nông dân thế hệ mới xuất sắc, tiêu biểu, đổi mới, nâng cao tư duy tự lực, tự thân, năng động sáng tạo, dám nghĩ dám làm, có khả năng dẫn dắt đông đảo hội viên nông dân cùng phát triển kinh tế, phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

**Câu 57: Một trong những mục tiêu tổng quát của Nghị quyết số 04-NQ/HNDTW ngày 05/8/2019 của Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam (Khóa VII) về đẩy mạnh xây dựng chi Hội Nông dân nghề nghiệp và Tổ Hội Nông dân nghề nghiệp là gì?**

a.Xây dựng chi Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp nhằm khắc phục những hạn chế yếu kém trong hoạt động của Hội, phát triển hội viên, nâng cao năng suất lao động, chất lượng và giá trị nông sản, khả năng tổ chức sự liên kết trong sản xuất, kinh doanh, quảng bá, phát triển thương hiệu nông sản Việt Nam.

**b. Xây dựng chi Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp nhằm khắc phục những hạn chế yếu kém trong hoạt động của Hội, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, phát triển hội viên, nâng cao năng suất lao động, chất lượng và giá trị nông sản, khả năng tổ chức sự liên kết trong sản xuất, kinh doanh, quảng bá, phát triển thương hiệu nông sản Việt Nam.**

c.Xây dựng chi Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp nhằm khắc phục những hạn chế yếu kém trong hoạt động của Hội, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, phát triển hội viên, khả năng tổ chức sự liên kết trong sản xuất, kinh doanh, quảng bá, phát triển thương hiệu nông sản Việt Nam.

d. Nâng cao nhận thức của cán bộ, hội viên nông dân về mục đích, ý nghĩa, vai trò, lợi ích và trách nhiệm trong việc xây dựng chi Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp vì mục tiêu nông thôn văn minh, hiện đại.

**Câu 58: Theo mục tiêu cụ thể Nghị quyết số 04-NQ/HNDTW ngày 05/8/2019 của Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam (Khóa VII) về đẩy mạnh xây dựng chi Hội Nông dân nghề nghiệp và Tổ Hội Nông dân nghề nghiệp, hàng năm mỗi cơ sở Hội phải thành lập mới tối thiểu bao nhiêu tổ Hội Nông dân nghề nghiệp?**

a. 1

**b. 2**

c. 3

d. 4

**Câu 59:** **Câu trả lời nào sau đây đúng và đầy đủ nhất về các nhiệm vụ, giải pháp trong Nghị quyết 04-NQ/HNDTW ngày 05/8/2019 của Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam (Khóa VII) về đẩy mạnh xây dựng chi Hội Nông dân nghề nghiệp và Tổ Hội Nông dân nghề nghiệp?**

a. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn, chỉ đạo để nâng cao nhận thức và nâng cao năng lực trí tuệ về xây dựng chi Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp. Đẩy mạnh thành lập chi Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp mới trong các thôn, bản, khu vực dân cư, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp, đơn vị.

b. Tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các chi Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp hiện có theo định hướng phát triển thành các tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp. Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ Hộicác cấp, nhất là cán bộ Hội cơ sở, chi hội trưởng Nông dân nghề nghiệp, tổ trưởng tổ Hội Nông dân nghề nghiệp.

c. Tăng cường hỗ trợ, tập trung nguồn lực trong việc xây dựng và phát triển mô hình chi Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp. Phối hợp với các tổ chức, cơ quan, các ngành, doanh nghiệp trong nước và ngoài nước để tư vấn, hỗ trợ cho nông dân. Tích cực tham mưu đề xuất để tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng và quản lý của chính quyền các cấp, sự phối hợp giữa các ban, ngành, đoàn thể trong xây dựng chi Hội Nông dân nghề nghiệp và tổ Hội Nông dân nghề nghiệp.

**d. Tất cả các đáp án trên.**

**Câu 60: Quan điểm của Nghị quyết 05-NQ/HNDTW ngày 05/8/2019 của BCH Trung ương Hội Nông dân Việt Nam (Khóa VII) về tăng cường công tác phát triển, quản lý và nâng cao chất lượng hội viên Hội Nông dân Việt Nam là gì?**

a. Xây dựng Hội trong sạch, vững mạnh là cơ sở mấu chốt để mở rộng vận động, tập hợp, thu hút hội viên, nông dân. Đa dạng hóa các hình thức tập hợp, thu hút và kết nạp hội viên vào tổ chức hội. Mở rộng thành phần, đối tượng hội viên là các chủ trang trại, giám đốc các doanh nghiệp, các hợp tác xã phục vụ nông nghiệp, nông thôn, các nhà khoa học, các học sinh phổ thông trung học, sinh viên đại học, cao đẳng, trung cấp… là nhân tố quan trọng phục vụ cho công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa nông nghiệp, trí thức hóa nông dân, văn minh hóa, hiện đại hóa nông thôn.

b. Phát triển, quản lý và nâng cao chất lượng hội viên là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong công tác xây dựng tổ chức hội của các cấp Hội, là vấn đề cốt lõi để xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam trong sạch, vững mạnh, thực hiện ngày càng tốt hơn vai trò chủ thể trong phát triển nông nghiệp thịnh vượng, nông dân giàu có, nông thôn văn minh, hiện đại, góp phần giữ vững, ổn định chính trị, xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước và phải đặt trong điều kiện cụ thể, toàn diện, phù hợp với nhiệm vụ chính trị của Đảng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và xu thế hội nhập sâu rộng.

c. Phát triển, quản lý và nâng cao chất lượng hội viên nông dân phải gắn với xây dựng mẫu hình người nông dân mới giàu lòng yêu nước, có ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân; biết giữ gìn và phát huy truyền thống đoàn kết dân tộc, hợp tác và giúp đỡ nhau; có trình độ học vấn và kiến thức khoa học - kỹ thuật tiên tiến; ý chí quyết tâm, phấn đấu vươn lên làm giàu chính đáng; biết kết hợp bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa, lao động cần cù và sáng tạo, trọng nghĩa tình, kiên nhẫn và kiên cường.

**d. Tất cả các đáp án trên.**

**Câu 61: Câu trả lời nào sau đây đúng và đầy đủ nhất về xây dựng lực lượng hội viên nông dân trong mục tiêu tổng quát của Nghị quyết 05-NQ/HNDTW ngày 05/8/2019 của BCH Trung ương Hội Nông dân Việt Nam (Khóa VII) về tăng cường công tác phát triển, quản lý và nâng cao chất lượng hội viên Hội Nông dân Việt Nam?**

a. Năng lực quản lý và kỹ năng sản xuất chuyên nghiệp; phát huy dân chủ, sức sáng tạo của hội viên; nâng cao trình độ sản xuất, kinh doanh của hội viên, nông dân theo chuỗi giá trị nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản xuất nông nghiệp đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

b. Năng lực quản lý và kỹ năng sản xuất chuyên nghiệp; nâng cao trình độ sản xuất, kinh doanh của hội viên, nông dân theo chuỗi giá trị nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản xuất nông nghiệp đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

**c. Năng lực quản lý và kỹ năng sản xuất chuyên nghiệp; phát huy dân chủ, sức sáng tạo của hội viên; nâng cao sức khỏe, trình độ văn hóa, khoa học, kỹ thuật và kỹ năng tham gia thị trường, tự chủ và chủ động trong sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; nâng cao trình độ sản xuất, kinh doanh của hội viên, nông dân theo chuỗi giá trị nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản xuất nông nghiệp đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.**

d.Năng lực quản lý và kỹ năng sản xuất chuyên nghiệp; phát huy dân chủ, sức sáng tạo của hội viên; nâng cao sức khỏe, trình độ văn hóa, khoa học, kỹ thuật và kỹ năng tham gia thị trường, tự chủ và chủ động trong sản xuất nông nghiệp công nghệ cao.

**Câu 62: Các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Nghị quyết 05-NQ/HNDTW ngày 05/8/2019 của BCH Trung ương Hội Nông dân Việt Nam (Khóa VII) về tăng cường công tác phát triển, quản lý và nâng cao chất lượng hội viên Hội Nông dân Việt Nam là gì?**

a. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất và đồng thuận cao trong cán bộ, hội viên, nông dân. Đổi mới nội dung, phương thức vận động, tập hợp hội viên, nông dân; mở rộng đối tượng phát triển hội viên. Đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt chi Hội, tổ Hội; nâng cao chất lượng công tác quản lý hội viên.

b. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất và đồng thuận cao trong cán bộ, hội viên, nông dân. Đổi mới nội dung, phương thức vận động, tập hợp hội viên, nông dân; mở rộng đối tượng phát triển hội viên. Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước; hoạt động tư vấn, đào tạo nghề, dịch vụ, hỗ trợ cho nông dân phát triển sản xuất, kinh doanh. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện của các cấp Hội, đảm bảo sự tập trung, thống nhất, đồng bộ, hiệu quả trong toàn hệ thống

c. Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước; hoạt động tư vấn, đào tạo nghề, dịch vụ, hỗ trợ cho nông dân phát triển sản xuất, kinh doanh; phát hiện, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong hội viên nông dân. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện của các cấp Hội, đảm bảo sự tập trung, thống nhất, đồng bộ, hiệu quả trong toàn hệ thống

**d. a và c.**

**Câu 63: Quan điểm về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ Hội Nông dân theo Nghị quyết 06-NQ/HNDTW ngày 05/8/2019 của BCH Trung ương Hội Nông dân Việt Nam khóa VII là gì?**

a. Nhiệm vụ trọng tâm, then chốt về xây dựng Hội để chuẩn hóa phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, phong cách công tác, trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực, quản lý nhằm tập hợp được hội viên, nông dân, góp phần tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc và mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với giai cấp nông dân, không ngừng đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Hội trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

b. Nhiệm vụ trọng tâm, then chốt về xây dựng Hội để chuẩn hóa phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, năng lực và kỹ năng công tác vận động quần chúng của mỗi cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý nhằm tập hợp được hội viên, nông dân, mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với giai cấp nông dân, không ngừng đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Hội trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

**c. Nhiệm vụ trọng tâm, then chốt về xây dựng Hội để chuẩn hóa phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, phong cách công tác, trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực và kỹ năng công tác vận động quần chúng của mỗi cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý nhằm tập hợp được hội viên, nông dân, góp phần tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc và mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với giai cấp nông dân, không ngừng đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Hội trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.**

d. Nhiệm vụ trọng tâm, then chốt về xây dựng Hội để chuẩn hóa phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực và kỹ năng công tác vận động quần chúng của mỗi cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý nhằm tập hợp được hội viên, nông dân, không ngừng đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Hội trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

**Câu 64: Mục tiêu tổng quát của Nghị quyết 06-NQ/HNDTW ngày 05/8/2019 của BCH Trung ương Hội Nông dân Việt Nam (khóa VII) là gì?**

a. Bảo đảm sự kế thừa liên tục và vững vàng giữa các thế hệ, đủ sức tổ chức thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Hội Nông dân Việt Nam.

b. Xây dựng đội ngũ cán bộ Hội Nông dân Việt Nam các cấp nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt từ Trung ương đến cấp xã có phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, uy tín, trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

c. Có cơ cấu hợp lý về giới tính, dân tộc, ngành nghề, vùng miền.

**d. Tất cả các đáp án trên đều đúng.**

**Câu 65: Những giải pháp để làm tốt công tác phát hiện, tạo nguồn, tuyển chọn, bố trí, phân công, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ đối với đội ngũ cán bộ theo Nghị quyết 06-NQ/HNDTW của BCH Trung ương Hội Nông dân Việt Nam khóa VII là gì?**

a. Tham mưu cho cấp ủy, tổ chức đảng tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác phát hiện, tuyển chọn, bố trí, phân công, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Hội các cấp.

**b. Tham mưu cho cấp ủy, tổ chức đảng tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác phát hiện, tạo nguồn, tuyển chọn, bố trí, phân công, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Hội các cấp; nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Hội các cấp; tổ chức xây dựng và triển khai thực hiện một số đề án.**

c. Nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ Hội các cấp; tổ chức thực hiện một số đề án.

d. a và c.

**Câu 66. Các nhiệm vụ chính được đề ra theo Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12/12/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khoá XI) về xây dựng và phát huy giá trị văn hoá, con người Đồng Nai trở thành nguồn lực, động lực quan trọng cho phát triển toàn diện và bền vững là gì?**

**a. Xây dựng con người Đồng Nai phát triển toàn diện; nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động văn hoá, thể thao góp phần xây dựng môi trường và đời sống văn hoá cho người dân phong phú, lành mạnh; phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghiệp văn hoá trên địa bàn tỉnh; chủ động quảng bá, chọn lọc, tiếp thu tinh hoa văn hoá trong nước và thế giới; đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.**

b. Xây dựng con người Đồng Nai phát triển toàn diện; nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động văn hoá, thể thao góp phần xây dựng môi trường và đời sống văn hoá cho người dân phong phú, lành mạnh; phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghiệp văn hoá trên địa bàn tỉnh; chủ động quảng bá, chọn lọc, tiếp thu tinh hoa văn hoá trong nước và thế giới.

c. Xây dựng con người Đồng Nai phát triển toàn diện; nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động văn hoá, thể thao góp phần xây dựng môi trường và đời sống cho người dân; phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghiệp văn hoá trên địa bàn tỉnh; chủ động quảng bá, chọn lọc, tiếp thu tinh hoa văn hoá trong nước và thế giới; đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.

d. Xây dựng con người Đồng Nai phát triển toàn diện; nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động văn hoá, thể thao góp phần xây dựng môi trường và đời sống văn hoá cho người dân phong phú, lành mạnh; chủ động quảng bá, chọn lọc, tiếp thu tinh hoa văn hoá trong nước và thế giới; đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.

**Câu 67. Một trong những mục tiêu chung được đề ra theo Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12/12/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khoá XI) về xây dựng và phát huy giá trị văn hoá, con người Đồng Nai trở thành nguồn lực, động lực quan trọng cho phát triển toàn diện và bền vững là gì?**

a. Xây dựng Đồng Nai phát triển toàn diện với các phẩm chất: Nhân cách, đạo đức, trí tuệ, khát vọng, năng động, văn minh, thân thiện, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật, đề cao tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc, dám nghĩ, dám làm, dám dấn thân, dám chịu trách nhiệm; trong 05 mối quan hệ: với bản thân mình, với gia đình, với cộng đồng – xã hội, với đất nước, với truyển thống và bản sắc của Đồng Nai.

b. Xây dựng văn hoá con người Đồng Nai với các phẩm chất: Nhân cách, đạo đức, khát vọng, năng động, văn minh, thân thiện, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật, đề cao tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc, dám nghĩ, dám làm, dám dấn thân, dám chịu trách nhiệm; trong 05 mối quan hệ: với bản thân mình, với gia đình, với cộng đồng – xã hội, với đất nước.

**c. Xây dựng văn hoá con người Đồng Nai phát triển toàn diện với các phẩm chất: Nhân cách, đạo đức, trí tuệ, khát vọng, năng động, văn minh, thân thiện, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật, đề cao tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc, dám nghĩ, dám làm, dám dấn thân, dám chịu trách nhiệm; trong 05 mối quan hệ: với bản thân mình, với gia đình, với cộng đồng – xã hội, với đất nước, với truyển thống và bản sắc của Đồng Nai.**

d. Xây dựng văn hoá con người Đồng Nai phát triển toàn diện với các phẩm chất: Nhân cách, đạo đức, trí tuệ, khát vọng, năng động, văn minh, thân thiện, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, tự hào dân tộc, dám nghĩ, dám làm, dám dấn thân, dám chịu trách nhiệm; trong 05 mối quan hệ: với bản thân mình, với gia đình, với cộng đồng – xã hội, với đất nước, với truyển thống và bản sắc của Đồng Nai.

**Câu 68: Theo Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12/12/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khoá XI, mục tiêu cụ thể đến năm 2025, có bao nhiêu phần trăm khu phố, ấp thực hiện tốt hương ước, quy ước, nếp sống văn minh, phù hợp với truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tuân thủ quy định của pháp luật?**

a. 95%

b. 90%

**c. 92%**

d. 94%

**Câu 69:** **Theo Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12/12/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khoá XI, mục tiêu đến năm 2030:**

a. Phấn đấu 85% cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị xây dựng và thực hiện tốt quy định về văn hoá công sở, kỷ luật, kỷ cương.

b. Phấn đấu 90% cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị xây dựng và thực hiện tốt quy định về văn hoá công sở, kỷ luật, kỷ cương.

c. Phấn đấu 95% cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị xây dựng và thực hiện tốt quy định về văn hoá công sở, kỷ luật, kỷ cương.

**d. Phấn đấu 100% cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị xây dựng và thực hiện tốt quy định về văn hoá công sở, kỷ luật, kỷ cương.**

**Câu 70: Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12/12/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khoá XI về xây dựng và phát huy giá trị văn hoá, con người Đồng Nai trở thành nguồn lực, động lực quan trọng cho phát triển toàn diện và bền vững, đưa ra mấy nhiệm vụ, giải pháp thực hiện?**

a. 05 nhiệm vụ và 07 giải pháp

**b. 07 nhiệm vụ và 05 giải pháp**

c. 07 nhiệm vụ và 06 giải pháp

d. 05 nhiệm vụ và 06 giải pháp

**Câu 71. Theo Quy định số 01-QĐ/HNDTW, ngày 24/7/2024 của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, Giám sát trong tổ chức Hội là gì?**

a. Là việc tổ chức Hội có thẩm quyền quan sát hoạt động nhằm kịp thời tác động để tổ chức hội và cán bộ hội, hội viên được giám sát chấp hành Điều lệ Hội, nghị quyết, quy định của Hội; chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước.

**b. Là việc các tổ chức Hội có thẩm quyền quan sát, theo dõi, xem xét, đánh giá hoạt động nhằm kịp thời tác động để tổ chức hội và cán bộ hội, hội viên được giám sát chấp hành đúng Điều lệ Hội, nghị quyết, quy định của Hội; chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước.**

c. Là việc tổ chức hội có thẩm quyền quan sát, theo dõi, xem xét, đánh giá hoạt động nhằm kịp thời tác động để tổ chức hội và cán bộ hội, hội viên được giám sát chấp hành Điều lệ Hội, nghị quyết, quy định của Hội.

d. Là việc tổ chức Hội có thẩm quyền quan sát, theo dõi, xem xét, đánh giá hoạt động nhằm kịp thời tác động để tổ chức hội và cán bộ hội, hội viên được giám sát chấp hành chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước.

**Câu 72. Theo Quy định số 01-QĐ/HNDTW ngày 24/7/2024 của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, có mấy hình thức giám sát?**

**a. 3 hình thức**

b. 4 hình thức

c. 5 hình thức

d. 6 hình thức

**Câu 73. Theo Quy định số 01-QĐ/HNDTW ngày 24/7/2024 của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, có các hình thức giám sát nào?**

a. Giám sát thường xuyên; giám sát đột xuất; giám sát chuyên đề

**b. Giám sát thường xuyên; giám sát định kỳ; giám sát chuyên đề**

c. Giám sát thường xuyên; giám sát định kỳ; giám sát đột xuất; giám sát chuyên đề

d. Giám sát thường xuyên; giám sát định kỳ; giám sát đột xuất; giám sát chuyên đề; giám sát theo chỉ đạo của cơ quan cấp trên.

**Câu 74. Luật Quy chế dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 có hiệu lực kể từ ngày nào?**

a. Ngày 01/6/2022

**b. Ngày 01/7/2022**

c. Ngày 01/8/2022

d. Ngày 01/10/2022

**Câu 75. Theo Luật Quy chế dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở là gì?**

a. Thực hiện dân chủ ở cơ sở là phương thức phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, để công dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được thông tin, thể hiện ý chí, nguyện vọng, chính kiến của mình thông qua việc thảo luận, tham gia ý kiến, quyết định và kiểm tra, giám sát các vấn đề ở cơ sở theo quy định pháp luật.

**b. Thực hiện dân chủ ở cơ sở là phương thức phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, để công dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được thông tin, thể hiện ý chí, nguyện vọng, chính kiến của mình thông qua việc thảo luận, tham gia ý kiến, quyết định và kiểm tra, giám sát các vấn đề ở cơ sở theo quy định của**[**Hiến pháp**](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-nam-2013-215627.aspx)**và pháp luật.**

c. Thực hiện dân chủ ở cơ sở là phương thức phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, để công dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được thông tin, thể hiện ý chí, nguyện vọng, chính kiến của mình thông qua việc thực hiện các vấn đề ở cơ sở theo quy định của [Hiến pháp](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-nam-2013-215627.aspx) và pháp luật.

d. Thực hiện dân chủ ở cơ sở là công dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được thông tin, thể hiện ý chí, nguyện vọng, chính kiến của mình thông qua việc thảo luận, tham gia ý kiến, quyết định và kiểm tra, giám sát các vấn đề ở cơ sở theo quy định của [Hiến pháp](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-nam-2013-215627.aspx) và pháp luật.

**Câu 76. Theo Luật Quy chế dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15, có bao nhiêu** **nguyên tắc thực hiện dân chủ ở cơ sở?**

**a. 06 nguyên tắc**

b. 07 nguyên tắc

c. 08 nguyên tắc

d. 09 nguyên tắc

**Câu 77. Theo Luật Quy chế dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15, Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị có bao nhiêu nhiệm vụ, quyền hạn?**

a. 06 nhiệm vụ, quyền hạn

**b. 07 nhiệm vụ, quyền hạn**

c. 08 nhiệm vụ, quyền hạn

d. 09 nhiệm vụ, quyền hạn

**Câu 78. Theo Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, mục đích của phản biện xã hội là gì?**

**a. Phản biện xã hội nhằm phát hiện những nội dung còn thiếu, chưa sát, chưa đúng, chưa phù hợp trong các văn bản dự thảo của các cơ quan Đảng, Nhà nước; kiến nghị những nội dung thiết thực, góp phần bảo đảm tính đúng đắn, phù hợp với thực tiễn đời sống xã hội và tính hiệu quả trong việc hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân; phát huy dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội.**

b. Phản biện xã hội nhằm phát hiện những nội dung còn thiếu, chưa sát, chưa đúng, chưa phù hợp trong các văn bản dự thảo của các cơ quan Đảng, Nhà nước; kiến nghị những nội dung thiết thực, góp phần bảo đảm tính đúng đắn, phù hợp với thực tiễn đời sống xã hội và tính hiệu quả trong việc hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân; phát huy dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; phát hiện, phổ biến những nhân tố mới, những mặt tích cực; phát huy quyền làm chủ của nhân dân, góp phần xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh.

c. Phản biện xã hội nhằm phát hiện những nội dung còn thiếu trong các văn bản dự thảo của các cơ quan Đảng, Nhà nước; kiến nghị những nội dung thiết thực, góp phần bảo đảm tính đúng đắn, phù hợp với thực tiễn đời sống xã hội và tính hiệu quả trong việc hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân; phát huy dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội.

d. Phản biện xã hội nhằm phát hiện những nội dung còn thiếu, chưa sát, chưa đúng, chưa phù hợp trong các văn bản dự thảo của các cơ quan Đảng, Nhà nước; kiến nghị những nội dung thiết thực, góp phần bảo đảm tính đúng đắn, phù hợp với thực tiễn đời sống xã hội.

**Câu 79. Theo Quyết định số 217-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, có các nội dung phản biện xã hội nào?**

a. Sự cần thiết, tính cấp thiết của văn bản dự thảo; sự phù hợp của văn bản dự thảo với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; thực tiễn của đơn vị, địa phương; dự báo tác động, hiệu quả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại của văn bảo dự thảo.

**b. Sự cần thiết, tính cấp thiết của văn bản dự thảo; sự phù hợp của văn bản dự thảo với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; thực tiễn của đơn vị, địa phương; tính đúng đắn, khoa học, phù hợp với thực tiễn đời sống xã hội và tính khả thi của văn bản dự thảo; dự báo tác động, hiệu quả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại của văn bảo dự thảo.**

c. Sự cần thiết, tính cấp thiết của văn bản dự thảo; sự phù hợp của văn bản dự thảo với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; thực tiễn của đơn vị, địa phương; tính đúng đắn, khoa học, phù hợp với thực tiễn đời sống xã hội và tính khả thi của văn bản dự thảo.

d. Sự cần thiết, tính cấp thiết của văn bản dự thảo; sự phù hợp của văn bản dự thảo với thực tiễn của đơn vị, địa phương; tính đúng đắn, khoa học, phù hợp với thực tiễn đời sống xã hội và tính khả thi của văn bản dự thảo; dự báo tác động, hiệu quả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh của văn bảo dự thảo.

**Câu 80. Theo Quyết định số 217-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, phạm vi phản biện xã hội của các đoàn thể chính trị - xã hội là gì?**

a. Chủ trì phản biện xã hội đối với các văn bản dự thảo về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của đoàn viên, hội viên của đoàn thể mình; phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện nhiệm vụ phản biện xã hội.

**b. Chủ trì phản biện xã hội đối với các văn bản dự thảo về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của đoàn viên, hội viên, tổ chức, hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của đoàn thể mình; phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện nhiệm vụ phản biện xã hội.**

c. Chủ trì phản biện xã hội đối với các văn bản dự thảo về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến tổ chức, hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của đoàn thể mình; phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện nhiệm vụ phản biện xã hội.

d. Chủ trì phản biện xã hội đối với các văn bản dự thảo về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của đoàn viên, hội viên; phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện nhiệm vụ phản biện xã hội.

**Câu 81: Theo Quy định số 181-QĐ/HNDTW ngày 20/02/2024 của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, tiêu chuẩn chung về công nhận danh hiệu hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi các cấp là gì?**

a. Là hội viên, nông dân gương mẫu chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định của địa phương, tham gia xây dựng tổ chức Hội và phong trào nông dân ở địa phương, tích cực đóng góp xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

b. Năng động, sáng tạo, tích cực học tập, ứng dụng, chuyển giao khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất gắn với bảo vệ môi trường sinh thái trong sản xuất nông nghiệp, nông thôn, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh.

c. Tích cực liên kết, hợp tác, thực hiện đoàn kết, tương trợ giúp nhau trong sản xuất, kinh doanh tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động ở nông thôn, cùng nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững.

**d. Tất cả các đáp án trên.**

**Câu 82: Đối tượng áp dụng Quy định số 181-QĐ/HNDTW ngày 20/02/2024 của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam về công nhận danh hiệu hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi các cấp là gì?**

**a. Hội Nông dân các cấp và hộ nông dân sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên các lĩnh vực nông, lâm, ngư, diêm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.**

b. Hội Nông dân các cấp và hội viên, nông dân sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên các lĩnh vực công, nông, lâm, ngư, diêm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

c. Hội Nông dân các cấp và nông dân sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên các lĩnh vực ngư, diêm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

d. Hội Nông dân các cấp và hộ nông dân sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên các lĩnh vực nông lâm, ngư, diêm nghiệp.

**Câu 83: Nguyên tắc thực hiện Quy định số 181-QĐ/HNDTW ngày 20/02/2024 của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam về công nhận danh hiệu hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi các cấp là gì?**

a. Hội viên, nông dân đăng ký thi đua thực hiện phong trào. Tổ chức bình xét khách quan, công khai, dân chủ, kịp thời. Các danh hiệu được công nhận, tôn vinh phải căn cứ vào kết quả thực hiện bình xét theo đúng tiêu chuẩn quy định.

b. Hội viên, nông dân đại diện cho hộ nông dân đăng ký thực hiện phong trào. Tổ chức bình xét khách quan, công khai, dân chủ, kịp thời. Các danh hiệu được công nhận, tôn vinh phải căn cứ vào kết quả thực hiện bình xét theo đúng tiêu chuẩn quy định.

**c. Hội viên, nông dân đại diện cho hộ nông dân tự nguyện đăng ký thi đua thực hiện phong trào. Tổ chức bình xét khách quan, công khai, dân chủ, kịp thời. Các danh hiệu được công nhận, tôn vinh phải căn cứ vào kết quả thực hiện bình xét theo đúng tiêu chuẩn quy định.**

d. Hội viên, nông dân đại diện cho hộ nông dân tự nguyện đăng ký thi đua thực hiện phong trào. Các danh hiệu được công nhận, tôn vinh phải căn cứ vào kết quả thực hiện bình xét theo đúng tiêu chuẩn quy định.

**Câu 84. Theo Quy định số 181-QĐ/HNDTW ngày 20/02/2024 của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, tiêu chuẩn cụ thể đối với hộ đạt danh hiệu hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi cấp cơ sở là gì?**

a. Có mức thu nhập bình quân đầu người gấp 2,5 lần so với mức thu nhập bình quân đầu người xã đạt chuẩn nông thôn mới theo vùng; hàng năm có tham gia hoạt động hướng dẫn kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất cho hội viên, nông dân khác tại địa phương.

b. Có mức thu nhập bình quân đầu người gấp 1,0 lần so với mức thu nhập bình quân đầu người xã đạt chuẩn nông thôn mới theo vùng; hàng năm có tham gia hoạt động hướng dẫn kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất cho hội viên, nông dân khác tại địa phương.

c. Có mức thu nhập bình quân đầu người gấp 2,0 lần so với mức thu nhập bình quân đầu người xã đạt chuẩn nông thôn mới theo vùng; hàng năm có tham gia hoạt động hướng dẫn kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất cho hội viên, nông dân khác tại địa phương.

**d. Có mức thu nhập bình quân đầu người gấp 1,5 lần so với mức thu nhập bình quân đầu người xã đạt chuẩn nông thôn mới theo vùng; hàng năm có tham gia hoạt động hướng dẫn kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất cho hội viên, nông dân khác tại địa phương.**

**Câu 85. Theo Quy định số 181-QĐ/HNDTW ngày 20/02/2024 của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, tiêu chuẩn cụ thể đối với hộ đạt danh hiệu hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi cấp huyện là gì?**

a. Có mức thu nhập bình quân đầu người gấp 3,0 lần so với mức thu nhập bình quân đầu người xã đạt chuẩn nông thôn mới theo vùng; hàng năm, tạo việc làm cho 02 lao động trở lên và có một trong các hoạt động giúp đỡ về vốn, vật tư, hướng dẫn kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất cho ít nhất 03 hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn để phát triển sản xuất kinh doanh.

a. Có mức thu nhập bình quân đầu người gấp 4,0 lần so với mức thu nhập bình quân đầu người xã đạt chuẩn nông thôn mới theo vùng; hàng năm, tạo việc làm cho 03 lao động trở lên và có một trong các hoạt động giúp đỡ về vốn, vật tư, hướng dẫn kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất cho ít nhất 10 hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn để phát triển sản xuất kinh doanh.

**c. Có mức thu nhập bình quân đầu người gấp 2,0 lần so với mức thu nhập bình quân đầu người xã đạt chuẩn nông thôn mới theo vùng; hàng năm, tạo việc làm cho 03 lao động trở lên và có một trong các hoạt động giúp đỡ về vốn, vật tư, hướng dẫn kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất cho ít nhất 03 hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn để phát triển sản xuất kinh doanh.**

d. Có mức thu nhập bình quân đầu người gấp 2,0 lần so với mức thu nhập bình quân đầu người xã đạt chuẩn nông thôn mới theo vùng; hàng năm, tạo việc làm cho 05 lao động trở lên và có một trong các hoạt động giúp đỡ về vốn, vật tư, hướng dẫn kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất cho ít nhất 05 hộ có hoàn cảnh khó khăn để phát triển sản xuất kinh doanh.

**Câu 86. Theo Quy định số 181-QĐ/HNDTW ngày 20/02/2024 của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, tiêu chuẩn cụ thể đối với hộ đạt danh hiệu hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi cấp tỉnh là gì?**

**a. Có mức thu nhập bình quân đầu người gấp 4,0 lần so với mức thu nhập bình quân đầu người xã đạt chuẩn nông thôn mới theo vùng; hàng năm, tạo việc làm cho 05 lao động trở lên và có một trong các hoạt động giúp đỡ về vốn, vật tư, hướng dẫn kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất cho ít nhất 05 hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn để phát triển sản xuất kinh doanh.**

b. Có mức thu nhập bình quân đầu người gấp 4,0 lần so với mức thu nhập bình quân đầu người xã đạt chuẩn nông thôn mới theo vùng; hàng năm, tạo việc làm cho 10 lao động trở lên và có một trong các hoạt động giúp đỡ về vốn, vật tư, hướng dẫn kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất cho ít nhất 10 hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn để phát triển sản xuất kinh doanh.

c. Có mức thu nhập bình quân đầu người gấp 5,0 lần so với mức thu nhập bình quân đầu người xã đạt chuẩn nông thôn mới theo vùng; hàng năm, tạo việc làm cho 05 lao động trở lên và có một trong các hoạt động giúp đỡ về vốn, vật tư, hướng dẫn kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất cho ít nhất 05 hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn để phát triển sản xuất kinh doanh.

d. Có mức thu nhập bình quân đầu người gấp 5,0 lần so với mức thu nhập bình quân đầu người xã đạt chuẩn nông thôn mới theo vùng; hàng năm, tạo việc làm cho 10 lao động trở lên và có một trong các hoạt động giúp đỡ về vốn, vật tư, hướng dẫn kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất cho ít nhất 05 hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn để phát triển sản xuất kinh doanh.

**Câu 87. Theo Quy định số 181-QĐ/HNDTW ngày 20/02/2024 của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, tiêu chuẩn cụ thể đối với hộ đạt danh hiệu hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi cấp Trung ương là gì?**

a. Có mức thu nhập bình quân đầu người gấp 5,0 lần so với mức thu nhập bình quân đầu người xã đạt chuẩn nông thôn mới theo vùng; hàng năm, tạo việc làm cho 10 lao động trở lên và có một trong các hoạt động giúp đỡ về vốn, vật tư, hướng dẫn kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất cho ít nhất 20 hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn để phát triển sản xuất kinh doanh.

**b. Có mức thu nhập bình quân đầu người gấp 5,0 lần so với mức thu nhập bình quân đầu người xã đạt chuẩn nông thôn mới theo vùng; hàng năm, tạo việc làm cho 10 lao động trở lên và có một trong các hoạt động giúp đỡ về vốn, vật tư, hướng dẫn kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất cho ít nhất 10 hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn để phát triển sản xuất kinh doanh.**

c. Có mức thu nhập bình quân đầu người gấp 4,0 lần so với mức thu nhập bình quân đầu người xã đạt chuẩn nông thôn mới theo vùng; hàng năm, tạo việc làm cho 10 lao động trở lên và có một trong các hoạt động giúp đỡ về vốn, vật tư, hướng dẫn kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất cho ít nhất 10 hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn để phát triển sản xuất kinh doanh.

d. Có mức thu nhập bình quân đầu người gấp 4,0 lần so với mức thu nhập bình quân đầu người xã đạt chuẩn nông thôn mới theo vùng; hàng năm, tạo việc làm cho 10 lao động trở lên và có một trong các hoạt động giúp đỡ về vốn, vật tư, hướng dẫn kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất cho ít nhất 15 hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn để phát triển sản xuất kinh doanh.

**Câu 88. Theo Kế hoạch số 185/KH-UBND ngày 27/5/2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về** t**hực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, mục tiêu đến năm 2025:**

a. Có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; có ít nhất 20% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

**b. Có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; có ít nhất 25% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.**

c. Có 90% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; có ít nhất 25% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

d. Có 95% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; có ít nhất 20% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

**Câu 89. Theo Kế hoạch số 185/KH-UBND ngày 27/5/2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về** t**hực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, mục tiêu đến năm 2025:**

a. Có ít nhất 05 huyện hoàn thành nông thôn mới nâng cao.

b. Huyện Xuân Lộc hoàn thành đề án thí điểm huyện nông thôn mới kiểu mẫu.

c. 100% số huyện, thành phố Long Khánh đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới hoặc hoàn thành nhiệm vụ nông thôn mới không bị thu hồi Quyết định công nhận.

**d. Tất cả các phương án trên.**

**Câu 90. Đối tượng thụ hưởng theo Kế hoạch số 185/KH-UBND ngày 27/5/2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về** t**hực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là?**

**a. Người dân, cộng đồng dân cư, hợp tác xã, doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội trên địa bàn nông thôn.**

b. Người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội trên địa bàn nông thôn.

c. Người dân, cộng đồng dân cư, hợp tác xã, doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

d. Người dân, cộng đồng dân cư, hợp tác xã, doanh nghiệp, công ty, xí nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội trên địa bàn nông thôn.

**Câu 91. Kế hoạch số 185/KH-UBND ngày 27/5/2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về** t**hực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, có mấy nội dung thành phần chính?**

a. 09 nội dung thành phần

b. 10 nội dung thành phần

**c. 11 nội dung thành phần**

d. 12 nội dung thành phần

**Câu 92. Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục phát huy sức mạnh truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc; Tỉnh uỷ Đồng Nai đã ban hành Kế hoạch nào trong số các Kế hoạch sau đây?**

**a. Kế hoạch số 330-KH/TU ngày 19/3/2024;**

b. Kế hoạch số 331-KH/TU ngày 19/3/2024;

c. Kế hoạch số 332-KH/TU ngày 20/3/2024;

d. Kế hoạch số 333-KH/TU ngày 20/3/2024;

**Câu 93.** **Kế hoạch số 330-KH/TU ngày 19/3/2024 của Tỉnh uỷ về thực hiện Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục phát huy sức mạnh truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc; Tỉnh uỷ Đồng Nai đã đề ra nhiệm vụ, giải pháp nào sau đây?**

a. Xây dựng đội ngũ nông dân trên địa bàn tỉnh phát triển, văn minh, tự chủ, tự lực, tự cường và có ý chí, khát vọng vươn lên.

b. Xây dựng đội ngũ nông dân trên toàn quốc phát triển toàn diện, văn minh, tự chủ, tự lực, tự cường và có ý chí, khát vọng vươn lên.

**c. Xây dựng đội ngũ nông dân trên địa bàn tỉnh phát triển toàn diện, văn minh, tự chủ, tự lực, tự cường và có ý chí, khát vọng vươn lên.**

d. Xây dựng đội ngũ nông dân trên địa bàn tỉnh văn minh, tự chủ, tự lực, tự cường và có ý chí, khát vọng vươn lên.

**Câu 94.** **Kế hoạch số 330-KH/TU ngày 19/3/2024 của Tỉnh uỷ về thực hiện Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục phát huy sức mạnh truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc; Tỉnh uỷ Đồng Nai đã đề ra mục tiêu nào dưới đây?**

a. Phấn đấu thực hiện đạt các chỉ tiêu, nhiệm vụ về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng, đoàn thể hàng năm và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh qua các nhiệm kỳ.

b. Thực hiện thành công khát vọng xây dựng tỉnh Đồng Nai sớm trở thành vùng đất giàu đẹp và văn minh, hướng tới phát triển bền vững; có hoạt động kinh tế năng động, là động lực tăng trưởng, hạt nhân phát triển của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

c. Đi đầu trong phát triển công nghiệp hiện đại, là trung tâm khoa học công nghệ, đổi mới sảng tạo, là cửa ngõ trung chuyển của miền Nam lấy Cảng hàng không quốc tế Long Thành làm hạt nhân đầu mối giao thương quốc tế; là đô thị hiện đại, thông minh tạo ra môi trường sống lý tưởng và bền vững; có các trung tâm giáo dục nghề nghiệp và y tế thuộc nhóm đầu cả nước, là nơi phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

**d. Tất cả các phương án trên.**

**Câu 95. Một trong những lĩnh vực đột phá được xác định tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ XI nhiệm kỳ 2020 – 2025 là:**

a. Tập trung phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng sản xuất hàng hoá, gắn với thị trường tiêu thụ sản phẩm; công nghiệp chế biến sâu nông sản và các dịch vụ nông nghiệp để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển.

b. Tập trung phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng sản xuất hàng hoá, gắn với thị trường tiêu thụ sản phẩm; công nghiệp chế biến và các dịch vụ nông nghiệp để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

**c. Tập trung phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng sản xuất hàng hoá, gắn với thị trường tiêu thụ sản phẩm; công nghiệp chế biến sâu nông sản và các dịch vụ nông nghiệp để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.**

d. Tập trung phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng sản xuất hàng hoá, gắn với thị trường tiêu thụ sản phẩm; công nghiệp chế biến sâu nông sản và các dịch vụ nông nghiệp để nâng cao giá trị và phát triển bền vững.

**Câu 96.** **Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ XI nhiệm kỳ 2020 – 2025 xác định chỉ tiêu nào sau đây?**

**a. Đến cuối năm 2025, có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, có ít nhất 05 huyện hoàn thành nông thôn mới nâng cao; 25% số xã hoàn thành nông thôn mới kiểu mẫu và huyện Xuân Lộc hoàn thành huyện nông thôn mới kiểu mẫu.**

b. Đến cuối năm 2025, có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, có ít nhất 06 huyện hoàn thành nông thôn mới nâng cao; 25% số xã hoàn thành nông thôn mới kiểu mẫu và huyện Định Quán hoàn thành huyện nông thôn mới kiểu mẫu.

c. Đến cuối năm 2025, có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, có ít nhất 06 huyện hoàn thành nông thôn mới nâng cao; 35% số xã hoàn thành nông thôn mới kiểu mẫu và thành phố Long Khánh hoàn thành huyện nông thôn mới kiểu mẫu.

d. Đến cuối năm 2025, có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, có ít nhất 05 huyện hoàn thành nông thôn mới nâng cao; 25% số xã hoàn thành nông thôn mới kiểu mẫu và huyện Trảng Bom hoàn thành huyện nông thôn mới kiểu mẫu.

**Câu 97.** **Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ XI nhiệm kỳ 2020 – 2025 xác định chỉ tiêu nào sau đây?**

a. Đến cuối năm 2025, có trên 90% dân số đô thị, trên 80% dân số nông thôn sử dụng nước sạch theo chuẩn QC02.

**b. Đến cuối năm 2025, có trên 90% dân số đô thị, trên 85% dân số nông thôn sử dụng nước sạch theo chuẩn QC02.**

c. Đến cuối năm 2025, có trên 95% dân số đô thị, trên 80% dân số nông thôn sử dụng nước sạch theo chuẩn QC02.

d. Đến cuối năm 2025, có trên 95% dân số đô thị, trên 85% dân số nông thôn sử dụng nước sạch theo chuẩn QC02.

**Câu 98.** **Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ XI nhiệm kỳ 2020 – 2025 xác định chỉ tiêu nào sau đây?**

a. Đến cuối năm 2025, thu gom và xử lý chất thải y tế, chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp không nguy hại đạt 100%.

b. Đến cuối năm 2025, thu gom và xử lý chất thải y tế, chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại đạt 100%.

c. Đến cuối năm 2025, thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp không nguy hại, chất thải nguy hại đạt 100%.

**d. Đến cuối năm 2025, thu gom và xử lý chất thải y tế, chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp không nguy hại, chất thải nguy hại đạt 100%.**

**Câu 99.** **Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ XI nhiệm kỳ 2020 – 2025 xác định chỉ tiêu nào sau đây?**

a. Đến cuối năm 2025, toàn tỉnh có 75% lao động qua đào tạo nghề; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh đạt 95%.

b. Đến cuối năm 2025, toàn tỉnh có 72% lao động qua đào tạo nghề; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh đạt 90%.

**c. Đến cuối năm 2025, toàn tỉnh có 70% lao động qua đào tạo nghề; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh đạt 95%.**

d. Đến cuối năm 2025, toàn tỉnh có 70% lao động qua đào tạo nghề; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh đạt 97%.

**Câu 100.** **Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ XI nhiệm kỳ 2020 – 2025 xác định nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm nào sau đây?**

a. Đại hội thông qua báo cáo kiểm điểm Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khoá X; Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khoá XI cần phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác.

b. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa các cấp uỷ đảng với nhân dân; đổi mới hoạt động giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; phát huy dân chủ, kỷ cương và sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân.

c. Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động, trọng tâm là phong trào thi đua “Dân vận khéo”, “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

**d. Cả b và c.**